



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV
KHOA NGỮ VĂN NGÀ

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2020-2021
CÁC MÔN HỌC KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Ghi chú: - Xem lịch học các môn đại cương trên trang web phòng Đào tạo.

TT	Mã lớp học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Số tiết	Sĩ số	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Cán bộ giảng dạy
Khóa 2016											
1	NVN004.1	Cú pháp học 2	1	2	30		4	1-5	B1.3-22	24/02/2021 >31/03/2021	PGS. TS Trương Văn Vỹ
2	NVN050	Văn hóa Nga 2	1	2	30		5	1-5	B1.3-24	25/02/2021 >01/04/2021	TS. Trương Mạnh Hải
3	NVN030.1	Nói 8	1	2	30		3	1-5	B1.1-12	06/04/2021 >11/05/2021	ThS. Bùi Thị Thúy Nga
4	NVN033	Thành ngữ học	2	2	30		5	1-5	B1.3-24	08/04/2021 >13/05/2021	TS. Nguyễn Vũ Hương Chi
5	NVN052	Văn học Nga thế kỷ XX	2	2	30		7	1-5	C1-22	10/04/2021 >22/05/2021	ThS. Lê Thị Đức Hải
Khóa 2017											
6	NVN045	Tiếng Nga thương mại	1	2	30		3	1-5	C2-26	23/02/2021 >30/03/2021	TS. Nguyễn Vũ Hương Chi
7	NVN079	Văn phong học & tu từ	1	2	30		3	6-9	B1.2-23	23/02/2021 >13/04/2021	TS. Bùi Mỹ Hạnh
8	NVN033	Thành ngữ học	1	2	30		3	1-5	C2-26	06/04/2021 >11/05/2021	TS. Nguyễn Vũ Hương Chi
9	NVN032	PP giảng dạy ngoại ngữ	1	2	30		4	1-5	C1-21	07/04/2021	ThS. Trần Thị Thanh Trúc

										>19/5/2021	
10	NVN052	Văn học Nga thế kỷ XX	1	2	30		5	1-5	C1-32	08/04/2021 >13/05/2021	ThS. Lê Thị Đức Hải
11	NVN084	Lý thuyết dịch	1	2	30		3	6-9	C1-32	20/04/2021 >08/06/2021	TS. Bùi Mỹ Hạnh
12	NVN083	Cú pháp học	1	2	30		4	6-9	B1.2-21	21/04/2021 >09/06/2021	TS. Bùi Mỹ Hạnh
Khóa 2018											
13	NVN081	Ngữ âm - Từ vựng học	1	2	45		4	1-5 6-9	B-33 B1.2-21	24/02/2021 >24/03/2021	TS. Bùi Mỹ Hạnh
14			2				6	1-5 6-9	C2-45 C2-35	26/02/2021 >26/03/2021	TS. Bùi Mỹ Hạnh
15	NVN007	Dịch Việt - Nga 1	1	2	30		5	1-5	C1-22	25/02/2021 >01/04/2021	TS. Liêu Thị Hồng Phúc
16	NVN049	Văn hóa Nga 1	1	2	30		3	1-5	B1.1-12	23/02/2021 >30/03/2021	TS. Trương Mạnh Hải
17	NVN006	Dịch Nga - Việt 2	1	2	30		7	1-5	B1.3-21	27/02/2021 >03/04/2021	TS. Trương Mạnh Hải
18	NVN026	Nói 4	1	2	30		5	1-5	C1-22	08/04/2021 >13/05/2021	ThS. Bùi Thị Thúy Nga
19	NVN019	Nghe 4	1	2	30		6	1-5	A-22	09/04/2021 >21/05/2021	ThS. Huỳnh Anh Khoa
Khóa 2019											
20	NVN054.1	Viết 2	1	2	45		2,4	T2:6-9 T4:1-5	C1-21	22/02/2021 >24/03/2021	ThS. Trần Thị Thanh Trúc
21			2				3,5	T3:6-9 T5:1-5	C1-32	23/02/2021 >25/03/2021	ThS. Trần Thị Thanh Trúc
22	NVN017	Nghe 2	1	2	30		4	1-5	A-22	24/02/2021 >31/03/2021	ThS. Vũ Thị Thu Phương

23			2				5			25/02/2021 >01/04/2021	ThS. Phùng Thị Ngọc Anh
24	NVN024	Nói 2	1	2	30		3	1-5	C2-25	06/04/2021	ThS. Lê Thị Đức Hải
25			2				4		C1-32	07/04/2021	ThS. Phùng Thị Ngọc Anh
26	NVN010	Độc 2	1	2	30		3	6-9	B1.1-31	23/03/2021 >11/05/2021	TS. Nguyễn Thị Kiều Vy
27			2				6			26/03/2021 >21/05/2021	TS. Nguyễn Thị Kiều Vy
Khóa 2020											
28	NVN037.1	Thực hành tiếng tổng hợp 4	1	2	45		3, 5, 7	1-5	3,5: A1-21 7: C1-22	02/03/2021 >20/03/2021	ThS. Lê Thị Đức Hải
29			2						B1.3-22		TS. Nguyễn Thị Kiều Vy
30			3						B1.2-31		ThS. Nguyễn Trần Thanh Vi
31	NVN038.2	Thực hành tiếng tổng hợp 5	1	2	45		3, 5, 7	1-5	B1.1-22	29/03/2021 >17/04/2021	ThS. Nguyễn Lê Ánh Phương
32			2						B1.3-22		TS. Liêu Thị Hồng Phúc
33			3						B1.2-31		ThS. Vũ Thị Thu Phương
34	NVN039.2	Thực hành tiếng tổng hợp 6	1	2	45		3, 5, 7	1-5	B1.1-22	26/04/2021 >18/05/2021	ThS. Phùng Thị Ngọc Anh
35			2						B1.3-22		TS. Liêu Thị Hồng Phúc
36			3						B1.2-31		ThS. Nguyễn Lê Ánh Phương

37	NVN040.1	Thực hành tiếng tổng hợp 7	1	2	45		3, 5, 7	1-5	B1.1-22	24/05/2021 >12/06/2021	ThS. Nguyễn Trần Thanh Vi
38			2						C2-24		ThS. Trần Thị Thanh Trúc
39			3						B1.2-31		ThS. Nguyễn Lê Ánh Phương
40	NVN041.1	Thực hành tiếng tổng hợp 8	1	2	45		3, 5, 7	1-5	B1.1-22	21/06/2021 >10/07/2021	ThS. Nguyễn Trần Thanh Vi
41			2						B1.3-22		ThS. Vũ Thị Thu Phương
42			3				3, 5, 6	1-5	B1.2-31		ThS. Trần Thị Thanh Huyền
43	NVN067.1	Ngữ pháp 1	1	2	45		2,6	6-9	báo sau	17/05/2021	ThS. Huỳnh Anh Khoa
44			2								TS. Nguyễn Thị Kiều Vy

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Vũ Hương Chi

GIÁO VỤ

Nguyễn Hà Thanh Ngân